CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco

Ngày 31/12/2024	20,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	9.0%	**13.1%**	**26.4%**

DT thuần
Q4/24
435
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 124| 40.0%
YoY: ▼2,115| -82.9%

LN thuần
Q4/24
489
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 267| 120%
YoY: ▼72.0| -12.8%

LN sau thuế
Q4/24
476
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 291| 157%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
54.6%
YoY: +/-▲ 32.9%

ROE
2024
16.0%
YoY: +/-▲ 4.3%

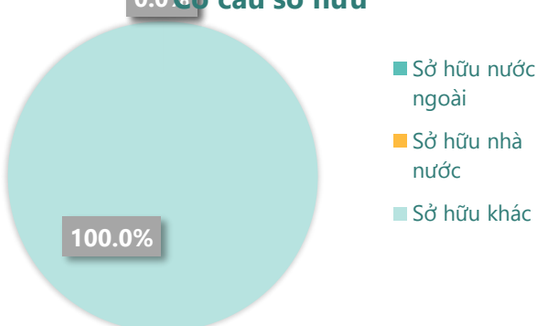
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	15,695 - 23,001
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,331
Số lượng CPLH (CP)	311,850,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	126,333
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.08
EPS	2,108
P/E	9.6

DT thuần
2024
1,684
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,554| -48.0%

LN thuần
2024
760
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 147| 23.9%

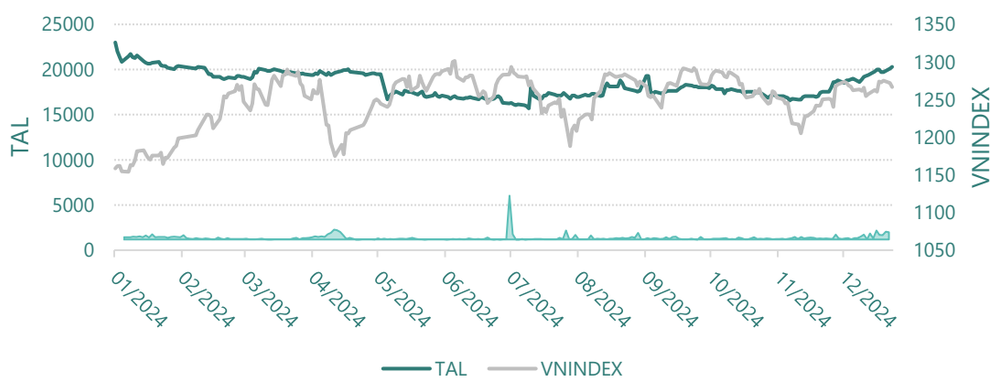
LN sau thuế
2024
678
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 205| 43.5%

Cơ cấu sở hữu

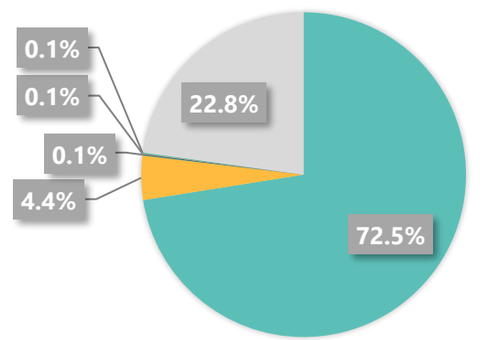


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

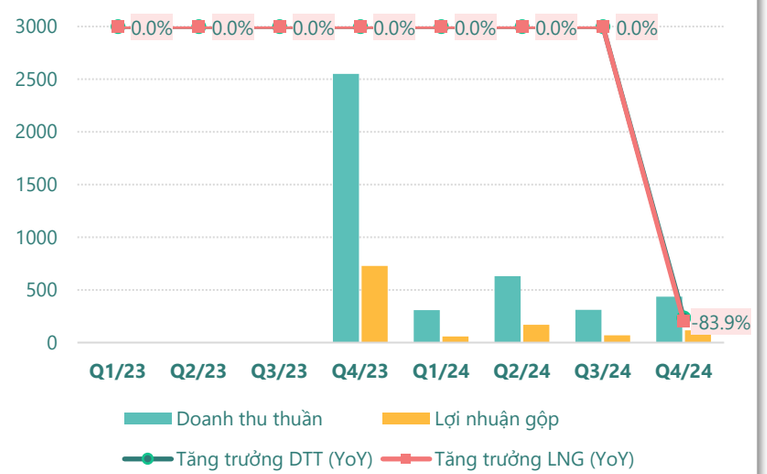


- CTCP Tập đoàn Taseco
- Đoàn Thị Phương Thảo
- Nguyễn Trần Tùng (Tổng giám đốc)
- Phạm Cao Cường
- Nguyễn Hồng Phúc
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

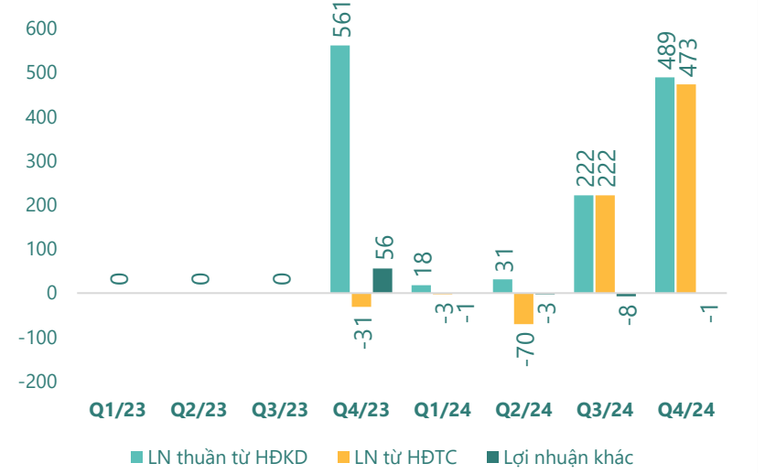
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



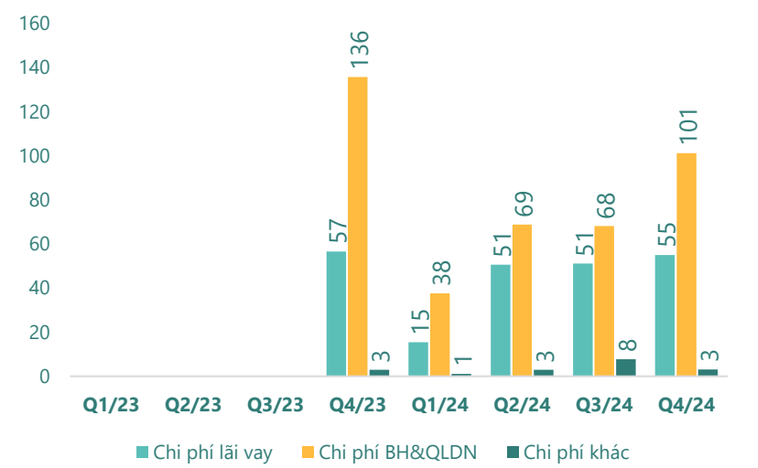
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



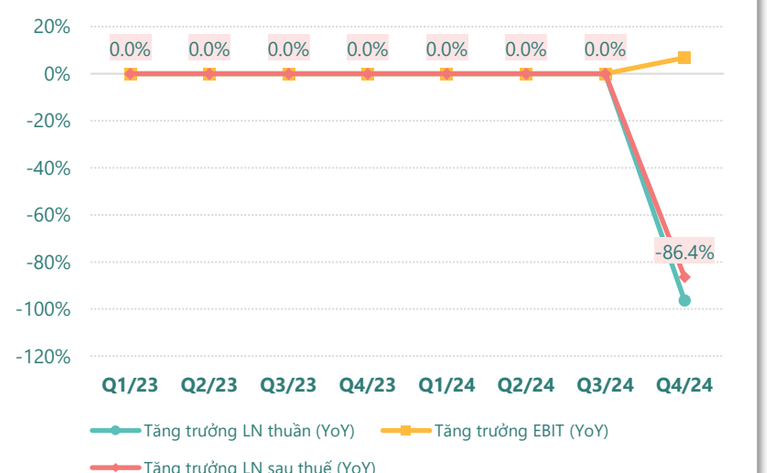
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



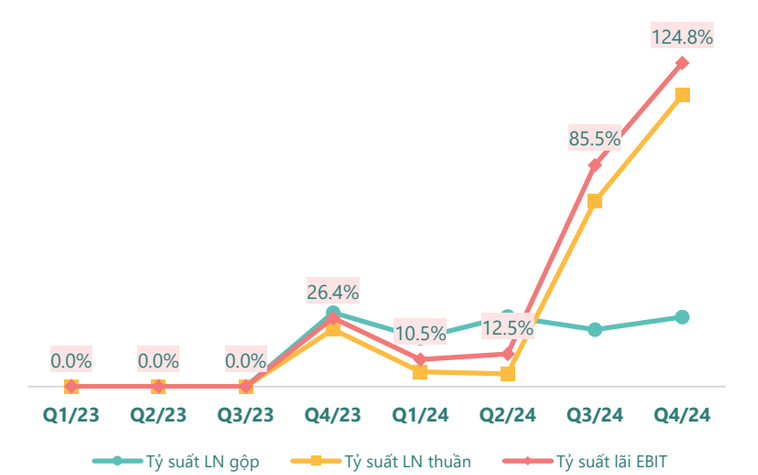
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



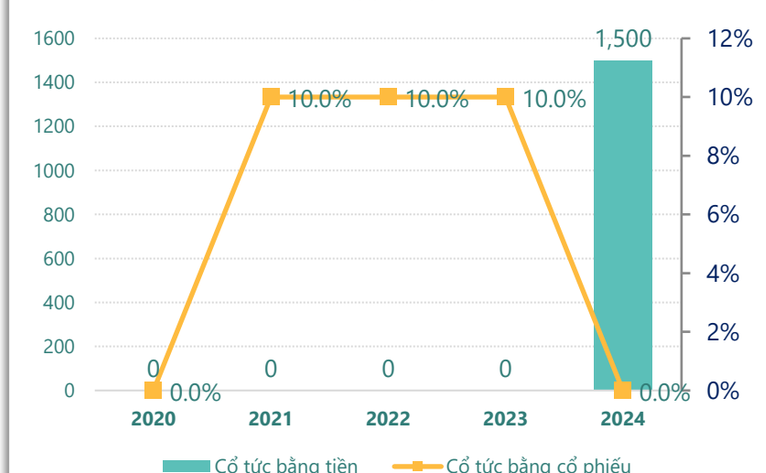
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

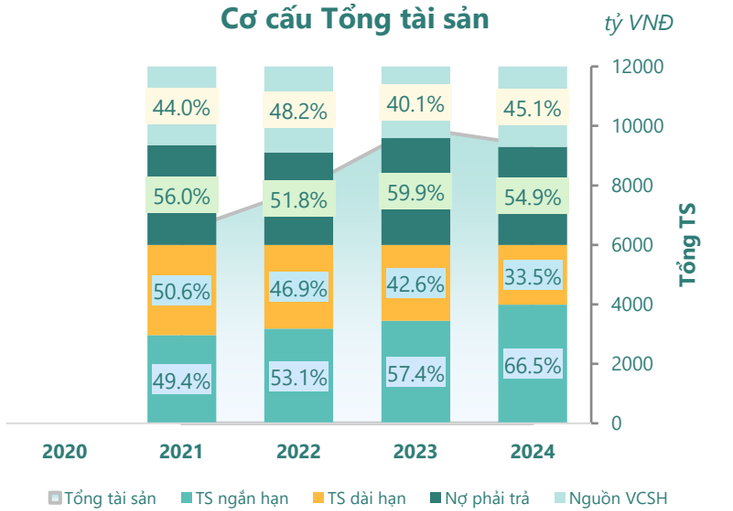
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

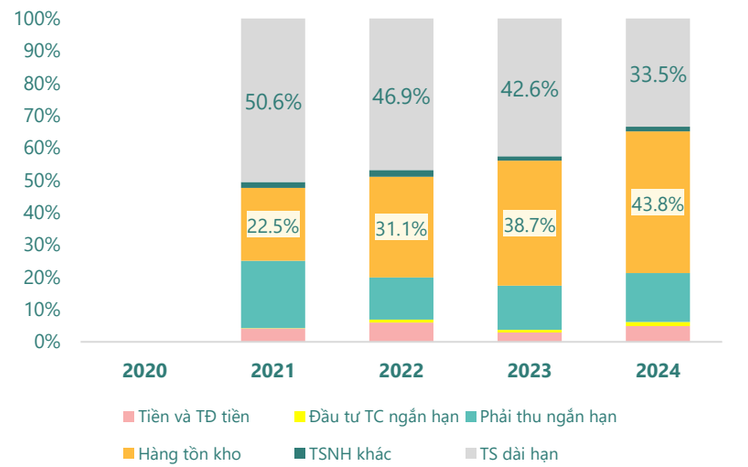
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



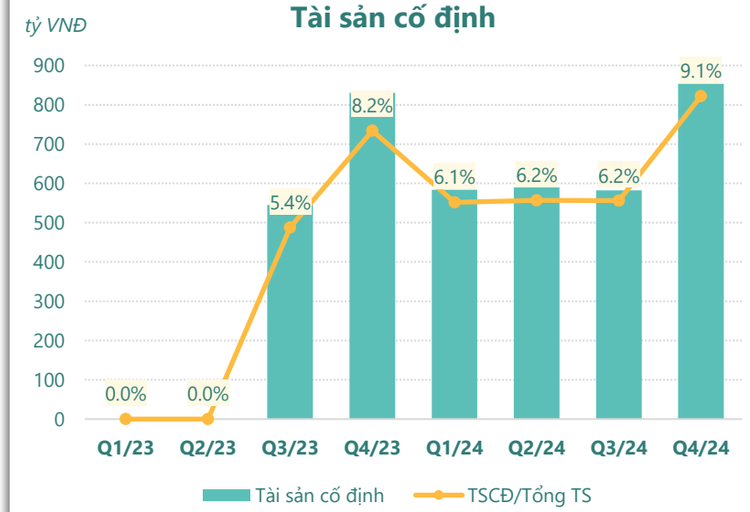
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



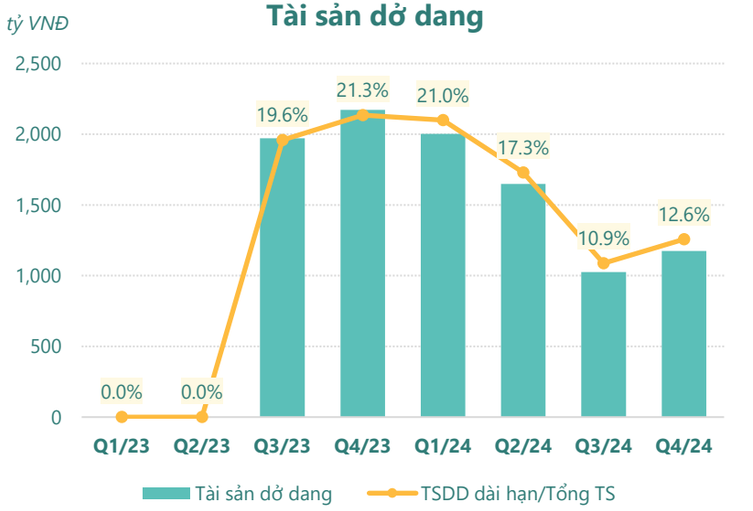
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



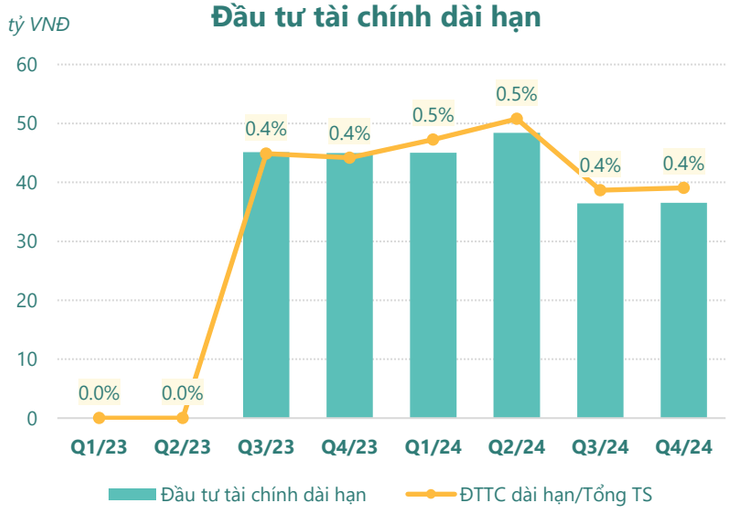
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



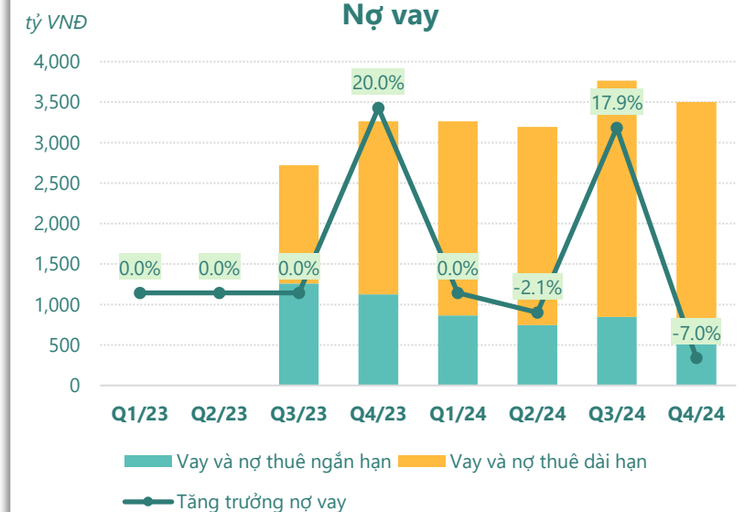
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

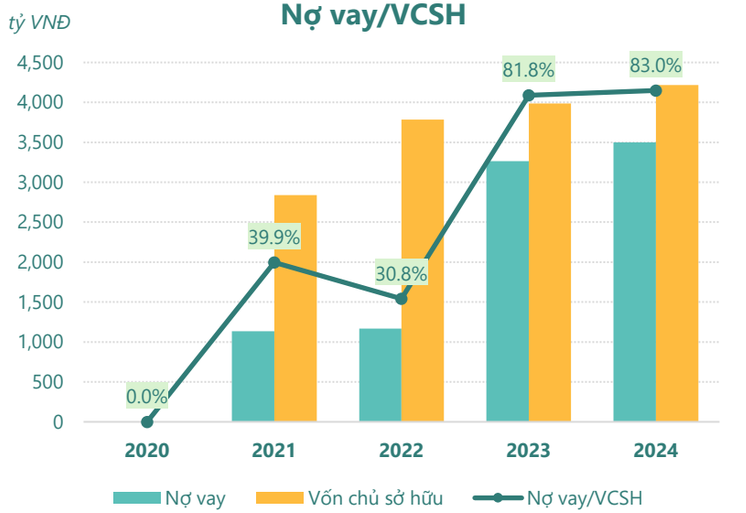
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

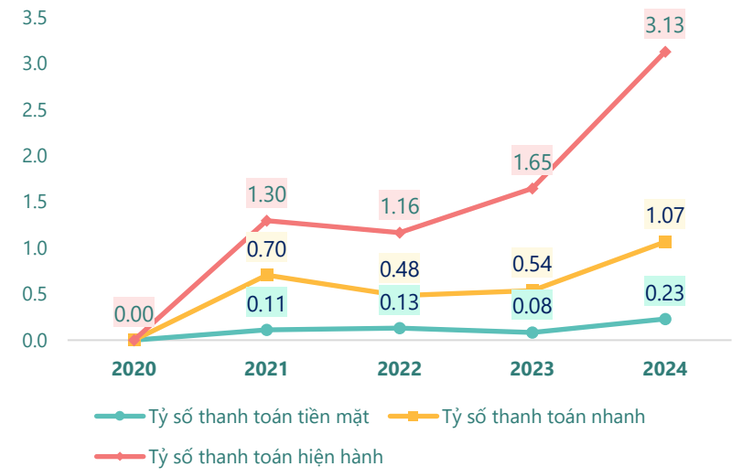
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



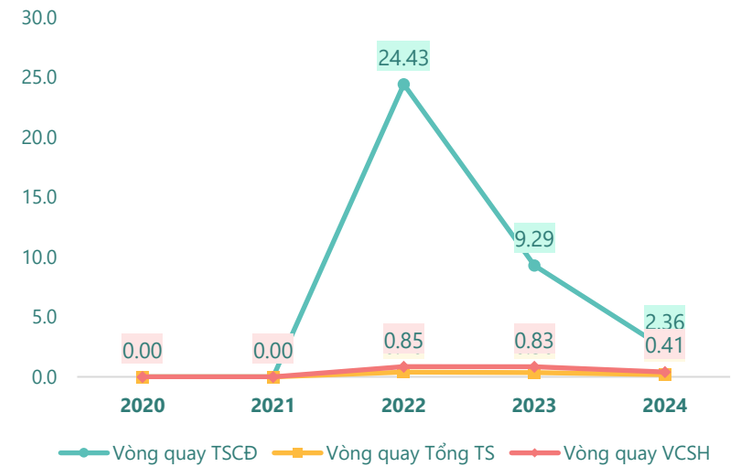
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



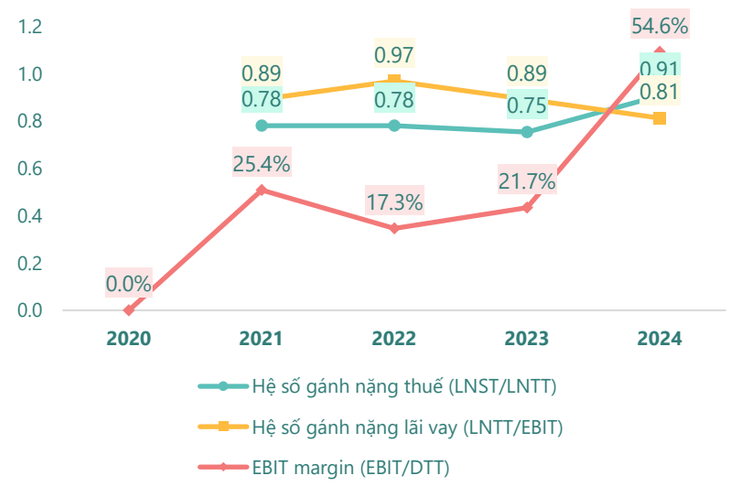
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



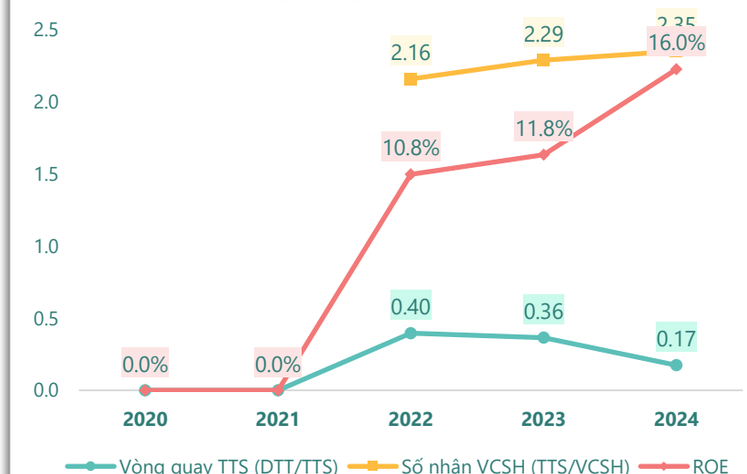
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



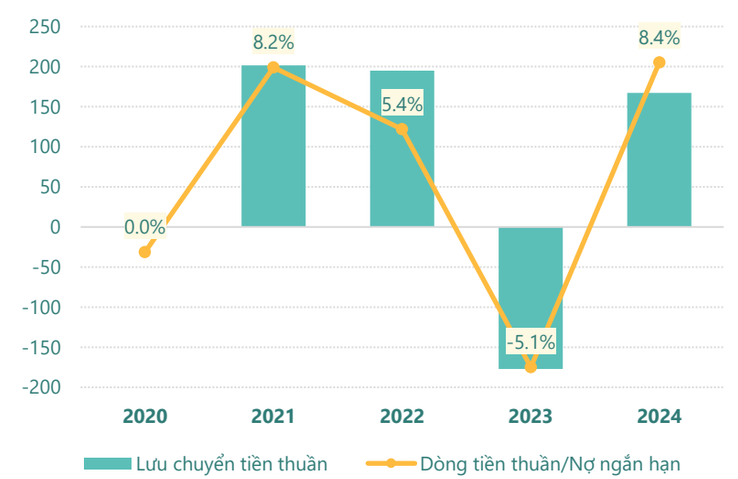
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**435**	**2,550**	**-82.9%**	**1,684**	**3,238**	**-48.0%**
Giá vốn hàng bán	318	1,822	-82.5%	1,271	2,347	-45.8%
Lợi nhuận gộp	117	728	-83.9%	413	890	-53.6%
Doanh thu HĐTC	543	28.7	1793%	825	85.1	869%
Chi phí TC	69.8	60.1	16.1%	203	99.2	105%
Chi phí lãi vay	55.0	56.6	-2.7%	172	75.9	127%
LN trong công ty LKLD	**0.07**	**0.57**	**-87.4%**	**0.25**	**0.17**	**50.1%**
Chi phí bán hàng	22.7	69.2	-67.2%	53.7	85.1	-36.9%
Chi phí QLDN	**78.5**	**66.4**	**18.2%**	**222**	**178**	**24.6%**
LN thuần từ HĐKD	489	561	-12.8%	760	613	23.9%
Lợi nhuận khác	**-0.94**	**55.9**	**-102%**	**-11.9**	**14.4**	**-183%**
LN trước thuế	488	617	-20.9%	748	627	19.2%
Lợi nhuận sau thuế	**476**	**476**	**0.1%**	**678**	**473**	**43.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**472**	**483**	**-2.2%**	**657**	**457**	**43.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	-301	-125	-422	-745	-811
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-190	-60.3	527	496	1,478
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	469	7.54	-69.7	166	-275
Tiền đầu kỳ	0	310	289	111	146	63.8
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**-22.1**	**-178**	**35.6**	**-82.5**	**392**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	288	111	146	63.8	456

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**9,344**	**9,938**	**-6.0%**
Tài sản ngắn hạn	6,213	5,706	8.9%
Tiền và tương đương tiền	456	289	57.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	117	77.9	50.0%
Phải thu ngắn hạn	1,414	1,358	4.2%
Hàng tồn kho	4,097	3,841	6.7%
Tài sản ngắn hạn khác	129	140	-8.1%
Tài sản dài hạn	**3,131**	**4,232**	**-26.0%**
Phải thu dài hạn	620	1,034	-40.0%
Tài sản cố định	854	571	49.5%
Bất động sản đầu tư	319	331	-3.6%
Tài sản dở dang	1,174	1,956	-40.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	36.5	45.0	-18.8%
Tài sản dài hạn khác	**88.8**	**118**	**-24.9%**
Lợi thế thương mại	39.7	178	-77.7%
Nợ phải trả	5,127	5,950	-13.8%
Nợ ngắn hạn	**1,986**	**3,468**	**-42.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	767	1,126	-31.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	408	474	-14.0%
Nợ dài hạn	3,141	2,481	26.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,733	2,137	27.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,217**	**3,988**	**5.8%**
Vốn chủ sở hữu	**4,217**	**3,988**	**5.8%**
Vốn điều lệ	2,970	2,970	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)